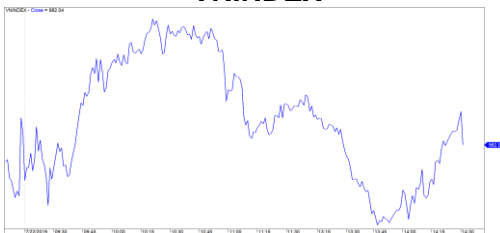


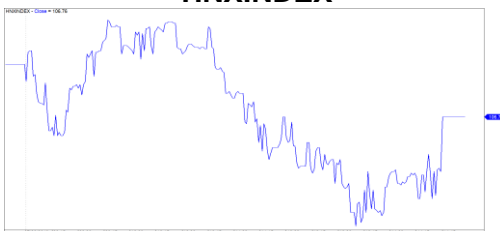
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	982.04	106.76	58.01
% ngày	-0.03%	-0.29%	0.82%
% tuần	0.98%	1.09%	2.58%
% tháng	2.38%	1.82%	5.24%
% năm	5.21%	-0.80%	14.76%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,660	422	307
TB 1 tuần	3,791	488	309
TB 1 tháng	3,701	397	295
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	505.05	2.01	30.79
Bán	449.26	13.09	19.80
Giá trị ròng	55.79	-11.08	10.98
Độ rộng TT			
Mã Tăng	111	71	215
Mã Giảm	187	81	134
Không Đổi	91	215	543
Chỉ số chính			
P/E	17.02	9.56	18.56
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,326	192	1,004
LS Cổ tức	1.73%	3.01%	6.67%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam có phiên đi ngang trong biên độ hẹp. VN-Index kết phiên giảm nhẹ 0.03% dừng tại 982.04 điểm, chỉ số HNX-Index cũng cùng chung diễn biến khi giảm 0.29% đóng cửa tại 106.76 điểm, chỉ số Upcom-Index ngược lại tăng 0.82% neo tại 58.01 điểm. Giá trị giao dịch trên cả ba sàn đạt 3,668 tỷ đồng khớp lệnh giảm 18% so với phiên liền trước.

Thị trường giao dịch ảm đạm khi độ rộng thị trường co hẹp và cổ phiếu có xu hướng phân hóa rõ nét hơn đặc biệt là ở nhóm vốn hóa lớn. Các cổ phiếu nhóm ngân hàng đóng vai trò dẫn dắt phiên cuối tuần trước đa số giảm giá ngoại trừ BID tăng 2.4% với thông tin phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược là KEB Hana Bank 603,302,706 cổ phần tương ứng 15% vốn điều lệ trong khi VCB được giữ ở tham chiếu. Điểm sáng trong phiên là VJC khi tăng 3.6% trong phiên sáng chốt phiên tăng 1.4% dừng tại 132,000 đồng/cp. PNJ cũng tỏa sáng khi tăng 4.1% sau giai đoạn tạo nền trên ngưỡng 72,000 đồng/cp. MSN cũng ghi nhận phiên hồi phục thứ 2 liên tiếp trong khi HPG cũng có phiên “cầm máu”. Trong khi đó, lực bán có xu hướng thúc đẩy ở nhóm cổ phiếu Mid-Cap và Small-Cap cụ thể như TDH, SJS, VRE, HDG, LDG... giảm giá khá.

Khối ngoại tiếp tục có cái nhìn lạc quan về thị trường khi nối dài chuỗi mua ròng với giá trị hơn 55 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, EIB(73 tỷ), PLX(48 tỷ), VCB(33 tỷ) là các mã được mua ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, VIC(67 tỷ), HPG(65 tỷ), VJC(20 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục biến động hẹp dưới vùng kháng cự 987 – 990 điểm. Đồng thời, dòng tiền ngắn hạn tiếp tục có xu hướng tăng dần và phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu khi dòng tiền ngắn hạn chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Largecaps (trong đó dòng ngân hàng đóng vai trò dẫn dắt thị trường). Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm mạnh cho thấy chiến lược ngắn hạn là nên cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số với mức hỗ trợ ở mức 966.44 điểm của chỉ số VN-Index và 105.44 điểm của chỉ số HNX-Index. Đồng thời, chúng tôi hạ mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VNSmallcaps từ TĂNG xuống GIẢM. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu danh mục để hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị, xem xét bán ra đối với các cổ phiếu đã vi phạm xu hướng.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 45% cổ phiếu/55% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.60	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	0.00%		16.85	17.01	10.39%	
ACB	31.00	TĂNG	GIẢM	29.80	30.30	4.03%			31.45		
ACV	82.00	GIẢM	TĂNG		86.53			90.00	81.77	-8.89%	
ANV	26.95	TĂNG	GIẢM	28.05	26.83	-3.92%			30.56		
ASM	6.99	GIẢM	GIẢM		7.09				7.78		
BFC	17.90	GIẢM	GIẢM		18.57				20.57		
BID	35.75	TĂNG	TĂNG	32.65	33.80	9.49%		33.40	31.23	7.04%	
BMP	49.20	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	10.56%		48.30	41.68	1.86%	
BSR	11.40	GIẢM	GIẢM		12.29				13.94		
BVH	85.80	TĂNG	TĂNG	79.00	84.30	8.61%			85.11		
BWE	28.50	TĂNG	TĂNG	25.85	27.42	10.25%		20.00	25.15	42.50%	
CEO	10.90	TĂNG	GIẢM	10.70	10.51	1.87%			11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.69				23.94		
CMG	40.55	TĂNG	TĂNG	37.80	39.66	7.28%		23.20	32.95	74.78%	
CMX	23.85	TĂNG	TĂNG	23.75	21.86	0.42%		5.91	21.62	303.55%	
CSM	14.75	GIẢM	TĂNG		15.13			14.39	14.22	2.50%	
CTD	112.00	TĂNG	GIẢM	102.00	106.22	9.80%			112.01		
CTG	21.60	TĂNG	GIẢM	21.05	21.15	2.61%			22.80		
CTI	23.40	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-1.68%			25.04		
CTR	36.20	TĂNG	N/A	28.80	32.05	25.69%		-	3.77		
CVT	20.00	TĂNG	TĂNG	19.25	19.91	3.90%		20.35	17.62	-1.72%	
DCM	8.00	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-5.88%			8.64		
DGC	31.30	TĂNG	GIẢM	31.30	30.77	0.00%	MUA		31.31		
DGW	23.10	TĂNG	GIẢM	21.85	22.69	5.72%		23.50	23.12	-1.61%	MUA
DHA	36.70	TĂNG	TĂNG	32.25	34.28	13.80%		29.10	32.44	26.12%	
DHC	35.20	GIẢM	TĂNG	34.09	35.81	5.05%	BÁN	35.20	33.00	0.00%	
DHG	101.80	GIẢM	GIẢM		106.24				114.77		
DIG	13.80	TĂNG	GIẢM	14.10	13.30	-2.13%			14.54		
DPG	39.40	TĂNG	TĂNG	39.40	38.07	0.00%	MUA	40.02	34.78	-1.54%	
DPM	15.15	GIẢM	GIẢM		15.77				17.40		
DPR	42.30	GIẢM	TĂNG		45.00			42.50	40.21	-0.47%	
DQC	18.20	TĂNG	GIẢM	18.60	17.61	-2.15%			20.46		
DRC	20.00	TĂNG	GIẢM	19.40	19.02	3.09%			20.88		
DXG	18.90	TĂNG	GIẢM	19.10	18.56	-1.05%			20.75		
EIB	18.00	GIẢM	TĂNG		18.64			14.70	16.88	22.45%	



We Create Fortune

FCN	14.05	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-9.35%		16.05	13.18	-12.46%	
FMC	29.90	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	3.28%			30.62		
FPT	48.35	TĂNG	TĂNG	45.20	46.16	6.97%		46.00	43.49	5.11%	
GAS	105.50	TĂNG	GIẢM	108.90	103.53	-3.12%			113.06		
GEX	21.50	GIẢM	GIẢM		22.07				23.15		
GIL	26.50	TĂNG	GIẢM	27.30	25.94	-2.93%			29.06		
GMD	26.60	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-1.85%			27.99		
GTN	17.65	GIẢM	TĂNG		18.78			15.00	16.37	17.67%	
GVR	14.20	TĂNG	GIẢM	13.50	12.85	5.19%			N/A		
HAG	5.30	GIẢM	GIẢM		5.59				5.62		
HAX	19.35	TĂNG	TĂNG	14.25	18.55	35.79%		15.75	15.59	22.86%	
HBC	14.60	GIẢM	GIẢM		15.39				17.48		
HCM	22.85	GIẢM	GIẢM		24.54				26.60		
HDB	26.10	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.43%			28.59		
HDC	15.00	TĂNG	TĂNG	15.25	14.73	-1.64%		15.25	13.47	-1.64%	
HDG	34.60	TĂNG	TĂNG	32.70	34.04	5.81%		35.30	34.59	-1.98%	MUA
HNG	18.00	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	14.29%		17.10	16.59	5.26%	
HPG	20.75	GIẢM	GIẢM		21.81				24.51		
HSG	7.50	TĂNG	TĂNG	7.63	7.37	-1.70%		9.30	7.01	-19.35%	
HT1	16.20	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	9.46%	
HUT	2.50	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVN	42.00	GIẢM	TĂNG		43.80			39.00	38.75	7.69%	
KBC	15.60	TĂNG	TĂNG	14.30	14.84	9.09%		15.35	13.54	1.63%	
KDH	22.30	GIẢM	GIẢM		22.83				24.76		
KSB	22.30	GIẢM	GIẢM		22.42				25.36		
LCG	10.40	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	-0.48%			11.44		
LDG	8.00	GIẢM	GIẢM	8.63	8.15	-5.61%	BÁN		9.57		
LHG	18.80	GIẢM	TĂNG	19.70	18.94	-3.86%	BÁN	19.30	17.20	-2.59%	
LPB	7.90	GIẢM	GIẢM		8.20				8.51		
LSS	5.14	GIẢM	GIẢM		5.50				5.91		
MBB	22.20	TĂNG	TĂNG	21.30	21.66	4.23%		21.85	20.11	1.60%	
MPC	35.80	TĂNG	GIẢM	35.70	33.34	0.28%			40.20		
MSN	79.20	GIẢM	GIẢM		80.69			89.00	80.74	-9.28%	BÁN
MSR	18.00	GIẢM	GIẢM		19.08				20.71		
MWG	106.50	TĂNG	TĂNG	88.30	101.14	20.61%		88.70	89.54	20.07%	
NDN	16.70	TĂNG	TĂNG	14.10	16.24	18.44%		13.70	14.40	21.90%	
NKG	6.08	GIẢM	GIẢM		6.46				7.23		
NLG	29.35	GIẢM	TĂNG		29.84			28.70	27.83	2.26%	
NT2	26.15	GIẢM	GIẢM		27.03				28.99		

We Create Fortune

NTL	25.30	TĂNG	TĂNG	22.95	24.42	10.24%		10.45	22.09	142.11%	
NVL	57.60	GIẢM	GIẢM		60.72				62.33		
OIL	11.30	GIẢM	GIẢM		11.71				12.68		
PAC	34.75	GIẢM	GIẢM		35.23				38.65		
PC1	17.60	GIẢM	GIẢM		18.74				20.49		
PDR	26.00	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	7.88%		29.00	24.63	-10.34%	
PHR	67.50	TĂNG	TĂNG	61.20	62.70	10.29%		24.00	52.19	181.25%	
PLX	64.20	TĂNG	TĂNG	64.20	62.81	0.00%		62.40	58.43	2.88%	
PNJ	77.00	TĂNG	TĂNG	77.00	75.30	0.00%	MUA	104.00	72.83	-25.96%	
POW	14.00	GIẢM	TĂNG		14.85			15.70	13.92	-10.83%	
PVT	16.55	GIẢM	GIẢM	16.80	16.89	0.51%	BÁN		17.62		
PPC	27.50	GIẢM	GIẢM		29.30			19.70	27.86	41.43%	
PTB	68.00	GIẢM	TĂNG		70.73			64.00	64.57	6.25%	
PVB	20.00	TĂNG	TĂNG	20.20	19.13	-0.99%		20.10	16.79	-0.50%	
PVD	18.30	TĂNG	TĂNG	19.20	18.21	-4.69%		18.50	17.78	-1.08%	
PVI	36.00	GIẢM	GIẢM	37.40	36.08	-3.53%	BÁN		39.70		
PVS	22.80	GIẢM	TĂNG		24.21			21.10	21.47	8.06%	
PXS	5.17	GIẢM	TĂNG	5.09	5.18	1.82%	BÁN	4.85	4.34	6.60%	
QNS	31.40	TĂNG	TĂNG	33.80	30.02	-7.10%		33.80	27.66	-7.10%	
REE	32.85	GIẢM	TĂNG	33.05	32.92	-0.39%	BÁN	33.33	31.19	-1.43%	
SAB	277.20	GIẢM	TĂNG		292.45			245.00	259.03	13.14%	
SAM	8.18	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-0.85%		7.40	7.69	10.54%	
SCR	7.10	GIẢM	GIẢM		7.25				7.61		
SHI	8.80	TĂNG	TĂNG	8.39	7.98	4.89%		6.99	7.45	25.89%	
SJS	17.60	GIẢM	GIẢM		20.05			-	19.93		
SKG	11.75	GIẢM	GIẢM		12.26				12.61		
SSI	25.05	TĂNG	GIẢM	25.35	25.00	-1.18%			26.98		
STB	11.50	GIẢM	GIẢM		11.71				12.32		
TCB	21.05	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-1.64%			22.88		
TCM	26.30	GIẢM	GIẢM		27.98				30.59		
TDH	9.42	GIẢM	TĂNG		9.87			11.65	9.17	-19.14%	
TLH	4.93	GIẢM	TĂNG		5.09			5.39	4.80	-8.53%	
TNG	21.10	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	7.11%		12.00	18.79	75.83%	
VCB	79.00	TĂNG	TĂNG	69.20	74.53	14.16%		62.00	66.21	27.42%	
VCG	26.50	GIẢM	TĂNG		27.05			19.20	24.08	38.02%	
VCS	76.20	TĂNG	TĂNG	61.20	75.55	24.51%		68.00	61.40	12.06%	
VGC	20.20	TĂNG	GIẢM	20.50	19.79	-1.44%			20.64		
VGT	10.00	GIẢM	GIẢM		10.64				11.88		
VHC	90.50	TĂNG	GIẢM	89.50	88.29	1.12%			95.80		



We Create Fortune

VHM	84.60	TĂNG	GIẢM	81.00	81.35	4.44%			87.75	
VIB	18.60	TĂNG	TĂNG	17.00	17.84	9.41%		17.70	15.55	5.08%
VIC	116.50	GIẢM	TĂNG		117.69			112.00	108.25	4.02%
VIP	5.68	TĂNG	GIẢM	5.77	5.62	-1.56%			5.95	
VJC	132.00	TĂNG	TĂNG	123.30	127.55	7.06%		124.50	120.45	6.02%
VND	15.00	GIẢM	GIẢM		15.50				16.69	
VNG	20.00	GIẢM	GIẢM		21.41			21.50	20.58	-4.29%
VNM	125.50	TĂNG	GIẢM	126.90	123.05	-1.10%			133.60	
VPB	19.10	TĂNG	GIẢM	18.60	19.04	2.69%			19.82	
VPI	40.85	GIẢM	GIẢM		42.47				42.86	
VRC	15.05	GIẢM	GIẢM		15.99				17.17	
VRE	36.70	TĂNG	TĂNG	35.75	35.74	2.66%		35.00	32.37	4.86%
VSC	31.00	TĂNG	GIẢM	31.90	30.84	-2.82%			34.25	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	31.00	TĂNG	GIẢM	29.80	30.30	4.03%			31.45		
BID	35.75	TĂNG	TĂNG	32.65	33.80	9.49%		33.40	31.23	7.04%	
BSR	11.40	GIẢM	GIẢM		12.29				13.94		
BVH	85.80	TĂNG	TĂNG	79.00	84.30	8.61%			85.11		
CTG	21.60	TĂNG	GIẢM	21.05	21.15	2.61%			22.80		
EIB	18.00	GIẢM	TĂNG		18.64			14.70	16.88	22.45%	
FPT	48.35	TĂNG	TĂNG	45.20	46.16	6.97%		41.00	43.49	17.94%	
GAS	105.50	TĂNG	GIẢM	108.90	103.53	-3.12%			113.06		
HDB	26.10	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.43%			28.59		
HNG	18.00	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	14.29%		17.10	16.59	5.26%	
HPG	20.75	GIẢM	GIẢM		21.81				24.51		
HVN	42.00	GIẢM	TĂNG		43.80			39.00	38.75	7.69%	
KDH	22.30	GIẢM	GIẢM		22.83				24.76		
MBB	22.20	TĂNG	TĂNG	21.30	21.66	4.23%		21.27	20.11	4.37%	
MSN	79.20	GIẢM	GIẢM		80.69			89.00	80.74	-9.28%	BÁN
MWG	106.50	TĂNG	TĂNG	88.30	101.14	20.61%		88.70	89.54	20.07%	
NVL	57.60	GIẢM	GIẢM		60.72				62.33		
OIL	11.30	GIẢM	GIẢM		11.71				12.68		
PLX	64.20	TĂNG	N/A	64.20	62.81	0.00%		62.40	58.43	2.88%	
PNJ	77.00	TĂNG	TĂNG	77.00	75.30	0.00%	MUA	77.88	72.83	-1.13%	

We Create Fortune

POW	14.00	GIẢM	TĂNG		14.85			15.70	13.92	-10.83%	
PVS	22.80	GIẢM	TĂNG		24.21			21.10	21.47	8.06%	
QNS	31.40	TĂNG	TĂNG	33.80	30.02	-7.10%		33.80	27.66	-7.10%	
REE	32.85	GIẢM	TĂNG	33.05	32.92	-0.39%	BÁN	33.33	31.19	-1.43%	
ROS	27.50	GIẢM	TĂNG		28.83			34.80	27.33	-20.98%	
SSI	25.05	TĂNG	GIẢM	25.35	25.00	-1.18%			26.98		
STB	11.50	GIẢM	GIẢM		11.71				12.32		
TCB	21.05	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-1.64%			22.88		
TPB	23.00	GIẢM	GIẢM		23.64				N/A		
VCB	79.00	TĂNG	TĂNG	69.20	74.53	14.16%		62.00	66.21	27.42%	
VCG	26.50	GIẢM	TĂNG		27.05			18.44	24.08	43.70%	
VEA	61.90	TĂNG	GIẢM	62.10	59.43	-0.32%			N/A		
VGI	29.50	TĂNG	GIẢM	29.50	28.01	0.00%			N/A		
VHM	84.60	TĂNG	GIẢM	81.00	81.35	4.44%			87.75		
VIB	18.60	TĂNG	TĂNG	17.00	17.84	9.41%		17.70	15.55	5.08%	
VIC	116.50	GIẢM	TĂNG		117.69			112.00	108.25	4.02%	
VJC	132.00	TĂNG	TĂNG	123.30	127.55	7.06%		124.50	120.45	6.02%	
VNM	125.50	TĂNG	GIẢM	126.90	123.05	-1.10%			133.60		
VPB	19.10	TĂNG	GIẢM	18.60	19.04	2.69%			19.82		
VRE	36.70	TĂNG	TĂNG	35.75	35.74	2.66%		34.00	32.37	7.95%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.60	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	0.00%		16.85	17.01	10.39%	
ANV	26.95	TĂNG	GIẢM	28.05	26.83	-3.92%			30.56		
ASM	6.99	GIẢM	GIẢM		7.09				7.78		
BMP	49.20	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	10.56%		48.30	41.68	1.86%	
BWE	28.50	TĂNG	TĂNG	25.85	27.42	10.25%		19.44	25.15	46.60%	
C4G	8.10	GIẢM	#N/A		8.90			-	#N/A		
CEO	10.90	TĂNG	GIẢM	10.70	10.51	1.87%			11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.69				23.94		
CRE	25.05	GIẢM	#N/A		25.20			-	#N/A		
CTI	23.40	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-1.68%			25.04		
CTR	36.20	TĂNG	#N/A	28.80	32.05	25.69%		-	#N/A		
DCM	8.00	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-5.88%			8.64		
DHC	35.20	GIẢM	TĂNG	34.09	35.81	5.05%	BÁN	35.20	33.00	0.00%	



We Create Fortune

DIG	13.80	TĂNG	GIẢM	14.10	13.30	-2.13%			14.54		
DPM	15.15	GIẢM	GIẢM		15.77				17.40		
DRC	20.00	TĂNG	GIẢM	19.40	19.02	3.09%			20.88		
DXG	18.90	TĂNG	GIẢM	19.10	18.56	-1.05%			20.75		
E1VFN30	14.59	TĂNG	GIẢM	14.59	14.27	0.00%			15.16		
FCN	14.05	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-9.35%		16.05	13.18	-12.46%	
FLC	4.20	GIẢM	GIẢM		4.40				4.63		
FTM	24.85	GIẢM	TĂNG		25.16			16.25	22.18	52.92%	
GEG	23.90	TĂNG	TĂNG	22.80	21.56	4.82%		12.90	20.50	85.27%	
GEX	21.50	GIẢM	GIẢM		22.07				23.15		
GMD	26.60	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-1.85%			27.99		
GTN	17.65	GIẢM	TĂNG		18.78			15.00	16.37	17.67%	
GVR	14.20	TĂNG	#N/A	13.50	12.85	5.19%		-	#N/A		
HAG	5.30	GIẢM	GIẢM		5.59				5.62		
HBC	14.60	GIẢM	GIẢM		15.39				17.48		
HCM	22.85	GIẢM	GIẢM		24.54				26.60		
HDG	34.60	TĂNG	TĂNG	32.70	34.04	5.81%		35.30	34.59	-1.98%	MUA
HPX	26.75	TĂNG	#N/A	26.60	25.67	0.56%		-	#N/A		
HSG	7.50	TĂNG	TĂNG	7.63	7.37	-1.70%		8.45	7.01	-11.27%	
HT1	16.20	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	9.46%	
IBC	21.30	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.91%		24.90	20.15	-14.46%	
IDI	7.26	GIẢM	GIẢM		7.51				8.38		
IJC	10.60	GIẢM	GIẢM	11.15	10.71	-3.93%	BÁN		11.50		
ITA	3.11	GIẢM	TĂNG		3.19			3.20	2.77	-2.81%	
KBC	15.60	TĂNG	TĂNG	14.30	14.84	9.09%		15.35	13.54	1.63%	
KSB	22.30	GIẢM	GIẢM		22.42				25.36		
LDG	8.00	GIẢM	GIẢM	8.63	8.15	-5.61%	BÁN		9.57		
LPB	7.90	GIẢM	GIẢM		8.20				8.51		
MBS	14.40	GIẢM	#N/A		14.83			16.00	#N/A	#N/A	
MPC	35.80	TĂNG	GIẢM	35.70	33.34	0.28%			40.20		
NBB	21.90	TĂNG	TĂNG	22.00	21.14	-0.45%		21.50	18.83	1.86%	
NKG	6.08	GIẢM	GIẢM		6.46				7.23		
NLG	29.35	GIẢM	TĂNG		29.84			28.70	27.83	2.26%	
NT2	26.15	GIẢM	GIẢM		27.03				28.99		
NTC	188.00	TĂNG	#N/A	144.00	174.25	30.56%		120.00	#N/A	#N/A	
NTL	25.30	TĂNG	TĂNG	22.95	24.42	10.24%		9.33	22.09	171.13%	
NVB	8.10	GIẢM	GIẢM		8.37				9.16		
OGC	4.02	GIẢM	GIẢM		4.15				4.75		

We Create Fortune

PC1	17.60	GIẢM	GIẢM		18.74				20.49		
PDR	26.00	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	7.88%		23.60	24.63	10.19%	
PHR	67.50	TĂNG	TĂNG	61.20	62.70	10.29%		22.86	52.19	195.22%	
PPC	27.50	GIẢM	GIẢM		29.30			17.42	27.86	59.93%	
PTB	68.00	GIẢM	TĂNG		70.73			60.78	64.57	11.88%	
PVD	18.30	TĂNG	TĂNG	19.20	18.21	-4.69%		18.50	17.78	-1.08%	
PVI	36.00	GIẢM	GIẢM	37.40	36.08	-3.53%	BÁN		39.70		
PVT	16.55	GIẢM	GIẢM	16.80	16.89	0.51%	BÁN		17.62		
QCG	4.56	TĂNG	GIẢM	4.62	4.31	-1.30%			5.32		
SAM	8.18	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-0.85%		7.40	7.69	10.54%	
SBT	16.60	GIẢM	GIẢM		17.18				18.08		
SCR	7.10	GIẢM	GIẢM		7.25				7.61		
SHB	6.80	GIẢM	GIẢM		7.06				7.44		
SHS	9.70	GIẢM	TĂNG		10.12			12.10	9.22	-19.83%	
SJS	17.60	GIẢM	GIẢM		20.05				19.93		
STK	24.00	TĂNG	TĂNG	24.20	23.65	-0.83%		17.00	21.12	41.18%	
SZC	22.85	TĂNG	#N/A	20.45	21.23	11.74%		-	#N/A		
TCH	21.25	TĂNG	GIẢM	21.15	21.02	0.47%			22.45		
TCM	26.30	GIẢM	GIẢM		27.98				30.59		
TNG	21.10	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	7.11%		12.00	18.79	75.83%	
TTB	22.90	TĂNG	GIẢM	22.60	22.37	1.33%			24.16		
VCI	33.80	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	4.64%			35.72		
VGT	10.00	GIẢM	GIẢM		10.64				11.88		
VHC	90.50	TĂNG	GIẢM	89.50	88.29	1.12%			95.80		
VND	15.00	GIẢM	GIẢM		15.50				16.69		
VNG	20.00	GIẢM	GIẢM		21.41			21.50	20.58	-4.29%	
VPI	40.85	GIẢM	GIẢM		42.47				42.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.80	TĂNG	#N/A	9.40	9.29	4.26%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.16	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.69	4.26%	
AMD	1.80	GIẢM	GIẢM		1.87				2.08		
APG	9.45	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	11.18%		9.90	7.90	-4.55%	
ART	2.30	GIẢM	GIẢM		2.64				3.07		
BCC	8.40	GIẢM	TĂNG	8.50	8.59	1.07%	BÁN	7.70	7.66	9.09%	

We Create Fortune

BCG	5.56	GIẢM	TĂNG		5.78			6.39	5.41	-12.99%	
C69	19.90	TĂNG	TĂNG	8.80	16.02	126.14%		5.30	13.87	275.47%	
CCL	6.60	TĂNG	TĂNG	6.38	5.65	3.45%		3.46	4.89	90.75%	
CRC	15.75	TĂNG	GIẢM	15.05	14.63	4.65%			17.35		
CVT	20.00	TĂNG	TĂNG	19.25	19.91	3.90%		20.35	17.62	-1.72%	
DAG	6.70	TĂNG	GIẢM	6.55	6.59	2.29%			7.01		
DAH	12.90	GIẢM	TĂNG	9.12	13.19	44.62%	BÁN	4.66	9.18	176.58%	
DGW	23.10	TĂNG	GIẢM	21.85	22.69	5.72%		23.50	23.12	-1.61%	MUA
DLG	1.50	GIẢM	GIẢM		1.62				1.65		
DRH	6.70	GIẢM	GIẢM		7.32				7.76		
DTD	14.80	TĂNG	TĂNG	15.00	14.05	-1.33%		12.90	10.80	14.73%	
EVG	2.89	TĂNG	GIẢM	2.87	2.82	0.70%			3.02		
FIT	3.35	GIẢM	TĂNG		3.58			3.64	3.03	-7.97%	
GKM	15.00	GIẢM	TĂNG		15.45			11.42	14.95	31.29%	
HAH	13.00	TĂNG	TĂNG	12.80	12.50	1.56%		13.00	11.31	0.00%	
HAI	1.88	TĂNG	GIẢM	1.87	1.80	0.53%			1.93		
HAP	3.53	GIẢM	TĂNG		3.74			3.67	3.25	-3.81%	
HAR	3.85	GIẢM	TĂNG		4.11			3.71	3.65	3.77%	
HCD	3.74	TĂNG	GIẢM	3.79	3.61	-1.32%			4.34		
HDA	11.90	TĂNG	TĂNG	10.50	11.30	13.33%		11.30	10.27	5.31%	
HDC	15.00	TĂNG	TĂNG	15.25	14.73	-1.64%		15.25	13.47	-1.64%	
HHP	12.80	GIẢM	#N/A		14.66			-	#N/A		
HHS	3.35	GIẢM	GIẢM	3.50	3.35	-4.20%	BÁN		3.69		
HII	11.25	GIẢM	GIẢM		11.99				13.42		
HQC	1.40	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-2.10%			1.50		
HSL	7.55	GIẢM	GIẢM		8.17				9.64		
HUT	2.50	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVG	3.14	GIẢM	GIẢM		3.62				4.67		
HVH	28.40	TĂNG	#N/A	26.15	26.99	8.60%		-	#N/A		
JVC	2.91	TĂNG	GIẢM	2.97	2.80	-2.02%			3.23		
KLF	1.30	GIẢM	GIẢM		1.61				1.79		
KMR	2.88	GIẢM	TĂNG		3.03			3.68	2.65	-21.74%	
LCG	10.40	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	-0.48%			11.44		
LGL	10.10	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	41.99%	
LHG	18.80	GIẢM	TĂNG	19.70	18.94	-3.86%	BÁN	19.30	17.20	-2.59%	
LMH	16.30	GIẢM	#N/A		16.81			-	#N/A		
MST	2.70	GIẢM	GIẢM		2.97				3.71		
NDN	16.70	TĂNG	TĂNG	14.10	16.24	18.44%		13.10	14.40	27.44%	
PHC	12.60	GIẢM	GIẢM		13.18			14.45	12.65	-12.45%	BÁN



We Create Fortune

PVB	20.00	TĂNG	TĂNG	20.20	19.13	-0.99%		20.10	16.79	-0.50%	
PVC	7.50	GIẢM	TĂNG	7.80	7.55	-3.18%	BÁN	7.10	6.21	5.63%	
PXL	5.50	GIẢM	GIẢM		5.96				7.35		
PXS	5.17	GIẢM	TĂNG	5.09	5.18	1.82%	BÁN	4.85	4.34	6.60%	
QBS	3.03	GIẢM	GIẢM	3.03	3.07	1.28%	BÁN		3.36		
SFG	10.60	GIẢM	GIẢM		11.43				14.61		
SHI	8.80	TĂNG	TĂNG	8.39	7.98	4.89%		6.23	7.45	41.19%	
SJF	3.17	GIẢM	GIẢM		3.67				3.88		
SKG	11.75	GIẢM	GIẢM		12.26				12.61		
TDH	9.42	GIẢM	TĂNG		9.87			11.65	9.17	-19.14%	
TIG	3.20	GIẢM	TĂNG		3.49			3.20	3.03	0.00%	
TLD	5.28	GIẢM	GIẢM		5.51				6.07		
TLH	4.93	GIẢM	TĂNG		5.09			5.85	4.80	-15.73%	
TNI	10.35	GIẢM	GIẢM		10.77				12.03		
TTF	3.11	GIẢM	TĂNG		3.40			3.99	3.03	-22.06%	
TTH	3.80	GIẢM	GIẢM		4.12				4.60		
TVB	18.80	TĂNG	GIẢM	17.40	16.98	8.05%			19.27		
TVC	13.80	TĂNG	TĂNG	12.50	12.82	10.40%			13.71		
VC3	22.80	GIẢM	TĂNG	23.10	22.86	-1.05%	BÁN	22.00	21.35	3.64%	
VCR	19.60	GIẢM	GIẢM		25.06				32.17		
VNE	3.90	GIẢM	GIẢM		4.23			4.65	3.96	-14.88%	BÁN
VPG	20.80	GIẢM	TĂNG		22.50			20.46	19.34	1.68%	
VRC	15.05	GIẢM	GIẢM		15.99				17.17		
YBM	10.95	TĂNG	GIẢM	10.95	10.63	0.00%	MUA		12.17		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	982.04	-0.03%
VN30	879.62	-0.13%
VN Mid	969.02	-0.53%
VN Small	816.63	-0.77%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.76	-0.29%
HN30	195	-0.45%
VNX AllSh	856.58	-0.26%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	58.01	0.82%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	505.05	
Bán	449.26	
GT rỗng	55.79	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2.01	
Bán	13.09	
GT rỗng	-11.08	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	30.79	
Bán	19.80	
GT rỗng	10.98	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TIP	2250	6.94%
BMI	1250	4.85%
DPG	1700	4.51%
TV2	5700	4.12%
PNJ	3000	4.05%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTP	3000	8.31%
DGC	1700	5.74%
TVC	300	2.22%
AMV	200	0.70%
BAX	300	0.42%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SAS	4300	14.98%
KDF	1400	5.13%
VTP	5100	3.59%
BDT	600	3.26%
CTR	1100	3.13%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LDG	-590	-6.87%
SJS	-1200	-6.38%
ACL	-1450	-3.74%
DHC	-1300	-3.56%
PPC	-1000	-3.51%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	-2100	-9.68%
BCC	-400	-4.55%
HUT	-100	-3.85%
VCS	-2600	-3.30%
SHS	-300	-3.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
C4G	-300	-3.57%
BSR	-300	-2.56%
VGT	-200	-1.96%
SDI	-900	-1.16%
VIB	-200	-1.06%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	397,873	
VCB	293,001	
VHM	283,034	
VNM	220,983	
GAS	202,879	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,912	
VCS	12,356	
VCG	11,661	
PVS	10,945	
PVI	8,435	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	178,978	
VGI	90,687	
VEA	81,871	
MCH	57,952	
GVR	55,192	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	18,824,070	12,031,480
HPG	6,886,080	5,558,490
TCB	5,967,500	4,716,102
MBB	5,908,830	6,529,255
CTG	5,495,120	3,876,527

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	6,146,148	4,281,045
CEO	4,181,510	515,622
PVS	2,561,053	3,300,966
ACB	1,903,199	1,243,013
VIX	1,502,117	428,981

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
GVR	2,591,067	945,090
BSR	1,936,297	1,117,681
DDV	1,265,000	2,913
VGI	845,877	721,797
IDC	831,900	46,491

Nguồn: Bloomberg & YSVN

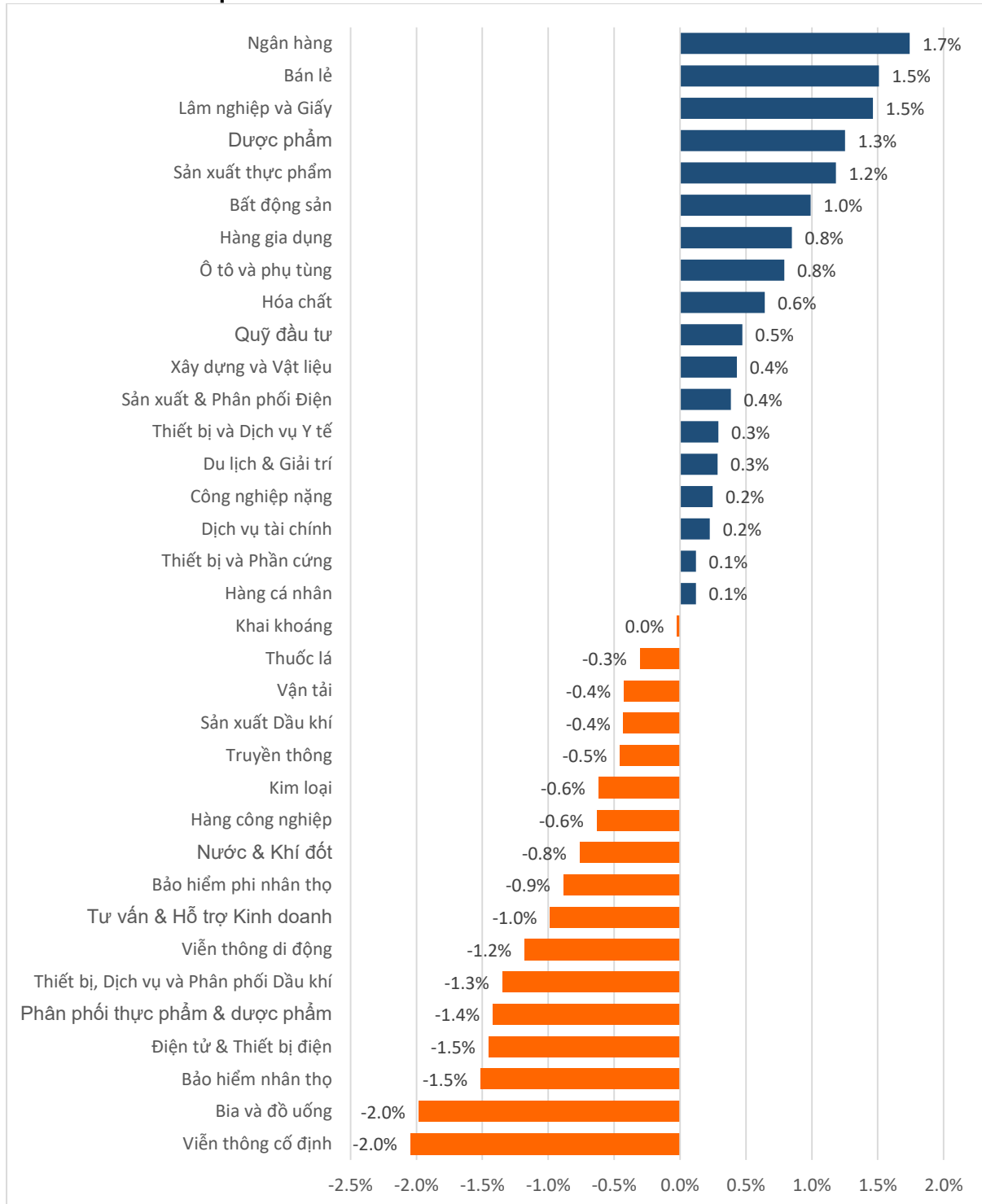
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



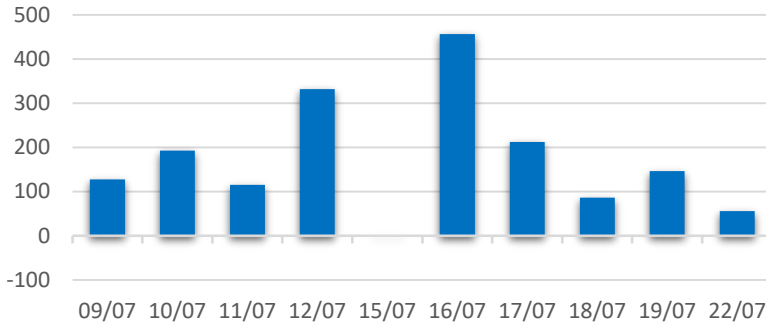
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

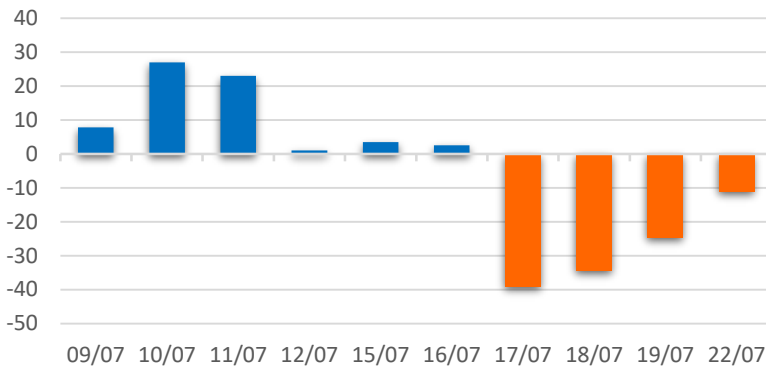
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
EIB	72,559	VIC	66,753
PLX	48,154	HPG	64,667
VCB	32,640	VJC	19,925
KBC	23,208	POW	9,982
MSN	16,033	KDC	4,864

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

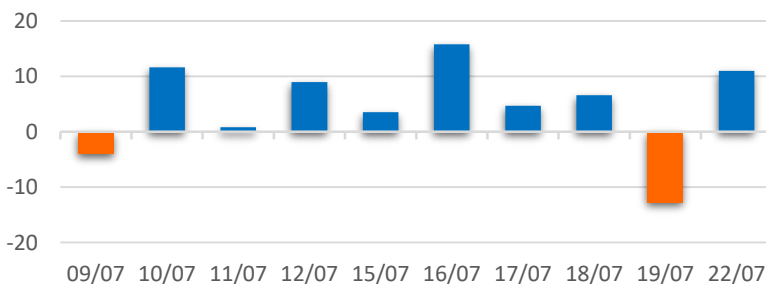
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TIG	474	PVS	6,870
TNG	140	CEO	2,725
PVC	117	DP3	431
HMH	100	SRA	399
IVS	89	VGS	378

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	9,059	VEA	1,769
QNS	3,685	ACV	1,707
CTR	2,155	BSR	1,260
GVR	978	VGI	832
KDF	903	OIL	764

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



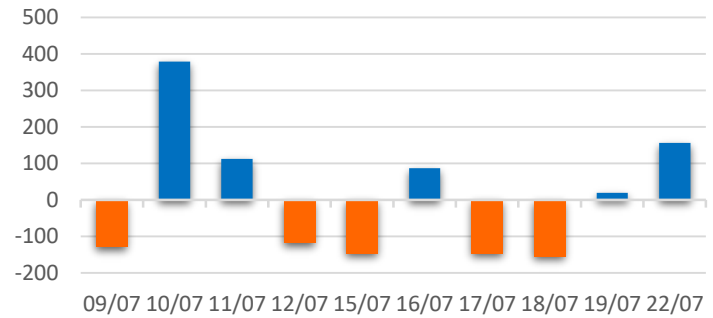
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

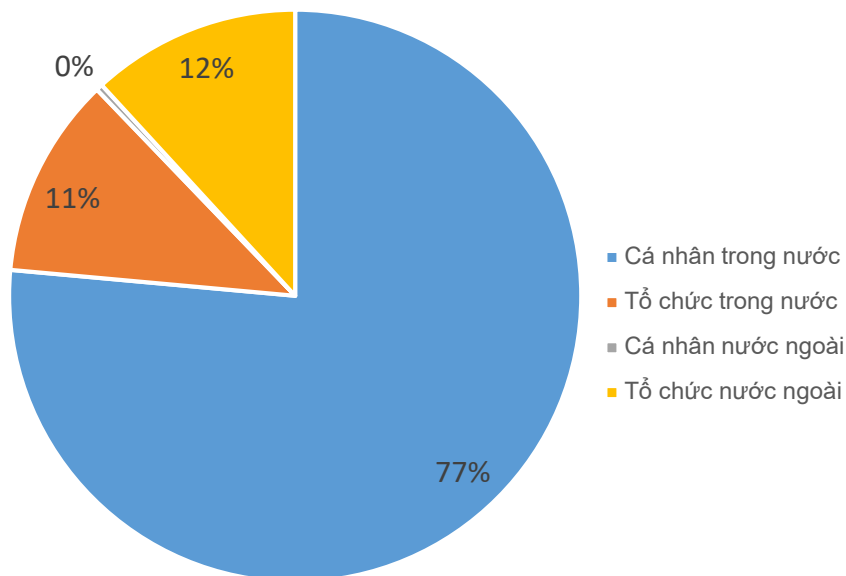
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VIC	104,169	MBB	10,452
PLX	10,917	MWG	7,317
SCR	9,289	TCB	3,508
MWG	8,911	VNM	1,393
VHM	7,837	VIC	1,355

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

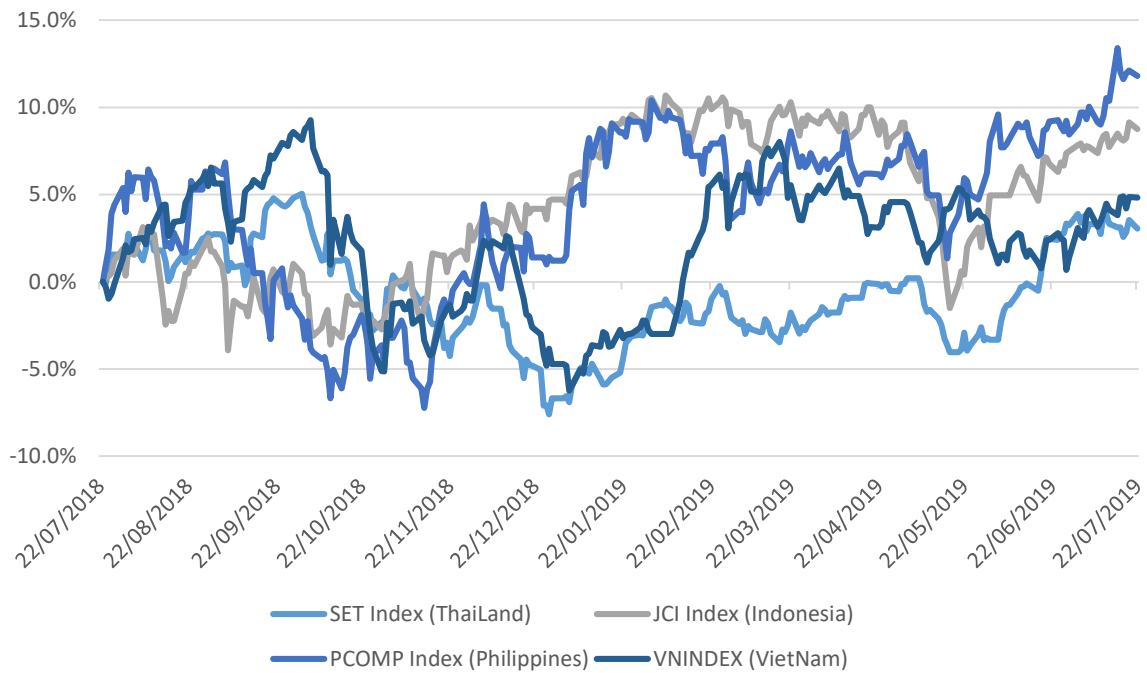


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

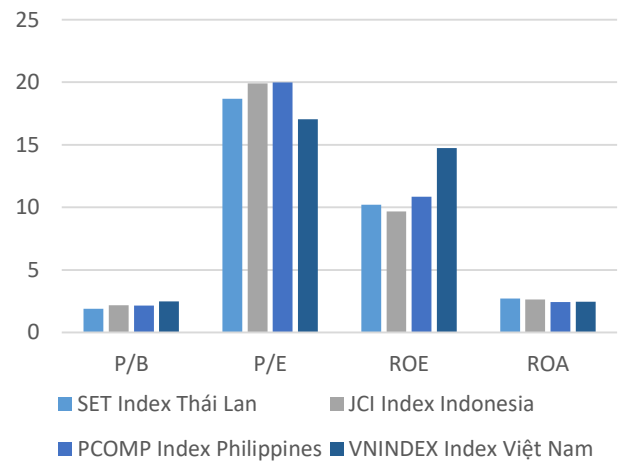
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.1x	2.5x
P/E		18.7x	19.9x	20.0x	17.0x
ROE	%	10.20	9.67	10.84	14.74
ROA	%	2.71	2.63	2.43	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	575.84	532.66	203.23	142.38
GTGD	Triệu USD	1.64	0.50	0.09	0.16
LS cổ tức	%	2.98	2.42	1.59	1.73

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3830

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written